

Vinh, ngày 04 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019**

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

- Có khối lượng chuyển tiếp từ cuối năm 2017 sang như: Cải tạo ĐZ 110kV Hà Đông – Sơn Tây; ĐZ 500kV Vĩnh Tân - rẽ Sông Mỹ - Tân Uyên, Lắp kháng điện bù ngang trên lưới 500kV tại TBA 500kV Cầu Bông,...;

- Bộ máy điều hành đã chủ động tìm kiếm và vận dụng các mối quan hệ để tham gia đấu thầu và trúng thầu 01 gói thầu xây lắp ĐZ110kV Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh góp phần tăng doanh thu và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Hoàn thành đóng điện các công trình theo đúng tiến độ trong điều kiện thi công khó khăn phức tạp, tăng uy tín với các Chủ đầu tư và Tổng công ty.

2. Khó khăn

- Do đặc điểm của Công ty nên năng lực tham gia đấu thầu các gói thầu có giá trị lớn với tư cách là thành viên độc lập hầu hết là không đủ điều kiện do đó phải liên danh, liên kết với các đơn vị ngoài nên có nhiều phụ thuộc và phần nào làm phát sinh thêm chi phí.

- Nhà nước điều chỉnh thay đổi định mức đơn giá phần xây dựng của các công trình điện rất thấp giảm nhiều so với trước đây.

- Công tác đền bù GPMB khó khăn và có xu hướng ngày phức tạp phát sinh nhiều chi phí không lường trước được. Vật tư A cấp chậm, không đồng bộ làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình và kế hoạch doanh thu của Công ty.

II. Một số kết quả đạt được trong năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng (Tr.đ)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ TH/ KH 2018
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	30.000	30.411	101%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.250	215	10%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	10%		
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	21.588	21.588	100%

Việc doanh thu đạt kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận không đạt kế hoạch vì lý do hiện nay nhà nước điều chỉnh định mức đơn giá rất thấp giảm nhiều so với trước đây. Bên cạnh đó trong

năm 2018 thời tiết mưa nhiều, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều trở ngại dẫn đến tiến độ thi công bị gián đoạn vì thế một số công trình phải kéo dài thời gian thi công dẫn đến làm tăng chi phí ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận. Trong năm 2018 công ty phải trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán giảm giá trên 2,3 tỷ đồng nên cũng làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch lợi nhuận đã đề ra. Ngoài những nguyên nhân trên trong năm 2018 hoạt động SXKD của Công ty vẫn diễn ra bình thường, Công ty vẫn đảm bảo được đủ việc làm liên tục cho người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

III. Đánh giá các mặt công tác

1. Công tác tổ chức thi công

- Mặc dù các công trình thi công phân tán trên nhiều địa bàn nhưng đội ngũ cán bộ kỹ thuật luôn luôn bám sát hiện trường để giám sát thi công, giám sát kỹ thuật an toàn lao động, cùng với các đơn vị kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thi công. Các công trình thi công đều đảm bảo yêu cầu chất lượng.

- Trong năm đã thi công đảm bảo an toàn, chất lượng các công trình đáp ứng tiến độ đóng điện theo yêu cầu của Chủ đầu tư như: Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (GD 3); Lắp kháng điện bù ngang trên lưới 500kV tại TBA 500kV Cầu Bông, Đz 110kV Ninh Hòa - Nha Trang, Đz 110kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan.

2. Công tác kế hoạch, đấu thầu, tìm kiếm việc làm

- Công ty đã chủ động tìm kiếm và tích cực tham gia đấu thầu các gói thầu tại các Chủ đầu tư khác nhau, lấy ngành nghề truyền thống xây lắp điện làm nòng cốt, liên danh, liên kết với một số đơn vị khác để đấu thầu. Trong năm 2018 công ty đã ký các hợp đồng với Tổng công ty giá trị trước thuế: 10 tỷ đồng. Liên danh với Công ty TNHH Yên lạc trúng thầu đường dây 110kV Nghi Xuân giá trị 46 tỷ đồng trong đó Công ty đảm nhận 50% giá trị hợp đồng

- Công tác lập kế hoạch, giao nhiệm vụ và lập dự toán giao khoán cho các đơn vị kịp thời. Nhưng chưa đưa ra được các giải pháp hữu hiệu nhằm đốc thúc các đơn vị hoàn thành tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư và tổng B.

- Công tác báo cáo nội bộ chưa làm tốt còn xem nhẹ nên chưa đáp ứng được yêu cầu của lãnh đạo công ty trong việc nắm bắt thông tin để đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. Công tác quản lý chất lượng, tiến độ thi công và nghiệm thu thanh quyết toán

- Kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng thi công, công tác an toàn thi công trong năm không để xảy ra một vụ mất an toàn lao động nào.

- Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán thực hiện nghiêm túc đáp ứng tiến độ. Hầu hết khối lượng hoàn thành đều được nghiệm thu thanh quyết toán kịp thời, đảm bảo việc thu hồi vốn tăng hiệu suất vòng quay đáp ứng được yêu cầu SXKD. Song bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại cần khắc phục như công tác nghiệm thu, quyết toán, vật tư nội bộ còn bị coi nhẹ dẫn đến việc hạch toán chi phí chưa kịp thời và chính xác. Một số công trình đã hoàn thành nhưng vẫn chưa có hồ sơ quyết toán tiêu hao vật tư nội bộ.

4. Công tác tài chính kế toán

- Năm 2018, Doanh thu thuần đạt 30,411 tỷ đồng, tăng hơn nhiều so với năm 2017 là 224%, Tổng doanh thu & thu nhập đạt 101,37% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra; Lợi nhuận sau thuế là 215,2 triệu đồng chỉ đạt 9,56% so với kế hoạch.

- Công tác thu hồi vốn thi công các công trình khá tốt, tỷ lệ thu hồi vốn bình quân cho hoạt động xây lắp có phát sinh phải thu đạt 95,20%.

- Công tác thu hồi công nợ trên 1 năm còn chậm chưa có giải pháp cụ thể.

- Năm 2018 thực hiện đầu tư cổ phiếu VNE với số lượng 353.260 cổ phiếu tổng số tiền 2,93 tỷ đồng.

- Tình hình tài chính của công ty ổn định và lành mạnh. Công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn được thực hiện đúng quy định thu chi đảm bảo đúng nguyên tắc. Hệ thống quy chế tài chính nội bộ tiếp tục được sửa đổi hoàn thiện và linh hoạt hơn song vẫn đảm bảo được nguyên tắc và pháp luật quy định. Đặc biệt sau khi đoàn kiểm toán nội bộ của Tổng công ty vào kiểm tra và đã kết luận tình hình tài chính của Công ty là rất tốt.

- Công tác nộp thuế và các nghĩa vụ với Nhà nước: Đã nộp tổng cộng 3,25 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT: 2,96 tỷ đồng, thuế TNDN : 0 đồng, thuế khác: 0,29 tỷ đồng). Công ty không có các khoản nợ thuế tại các địa phương.

- Công tác báo cáo kế toán, thống kê: Được lập, gửi và công bố thông tin đầy đủ kịp thời cho các cơ quan chức năng và trên thị trường chứng khoán.

5. Công tác lao động, tổ chức nhân sự:

- Để đảm bảo được nguồn lực duy trì và phát triển sản xuất phòng Kinh tế - Tổng hợp thường xuyên phối hợp với các phòng ban, đơn vị điều động, luân chuyển cán bộ, kiểm soát được lực lượng thi công của các đơn vị. Điều động kịp thời lao động cho các công trình trọng điểm. Đại đa số CBNV luôn cố gắng tìm tòi khắc phục khó khăn, đổi mới cách làm cách nghĩ hoàn thành công việc được giao đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

- Tuy vậy công tác phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyên nhân là do tính chất ngành nghề phải thường xuyên lưu động, điều kiện làm việc khó khăn nên nhiều công nhân mới được tuyển dụng đã tự bỏ việc, xin chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn. Trong năm số lượng người lao động biến động rất nhiều cụ thể số tuyển dụng mới: 05 người, số bỏ việc, chấm dứt hợp đồng: 11 người.

- Trong năm 2018 chưa chủ động tuyển dụng lao động bổ sung theo kế hoạch đề ra.

- Sửa đổi, bổ sung thang, bảng lương để phù hợp với hoạt động Công ty và đáp ứng quy định pháp luật lao động, pháp luật BHXH;

6. Công tác đầu tư mở rộng sản xuất :

Mặc dù HĐQT đã có chủ trương chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất khu vực nhà máy gạch Block từ sản xuất sang kinh doanh dịch vụ thương mại từ đầu năm 2018. Nhưng tiến trình diễn ra còn chậm. Trong năm chỉ mới hoàn thành công tác xin chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt qui hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 với UBND tỉnh Nghệ An, việc thuê tư vấn thiết kế và xin giấy phép xây dựng phải chuyển sang năm 2019 làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của công ty.

7. Một số hạn chế tồn tại trong SXKD và quản lý năm 2018:

Bên cạnh những thành công mà chúng ta đã gặt hái được thì chúng ta cũng cần nhìn thẳng vào những tồn tại để có biện pháp khắc phục. Cụ thể:

Về công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm do năng lực Công ty còn hạn chế nên việc tham gia đấu thầu các gói thầu có giá trị lớn với tư cách là thành viên độc lập hầu hết là không đủ điều kiện. Tính cạnh tranh giá cả dự thầu của Công ty còn thấp tỷ lệ trúng thầu còn ít so với kế hoạch đặt ra.

Về công tác kế hoạch, thống kê báo cáo nội bộ vẫn còn hạn chế, việc cập nhật thông tin chưa kịp thời nhiều khi còn lơ là chưa được thực sự chú trọng làm ảnh hưởng đến công tác tham mưu cho lãnh đạo trong quá trình ra quyết định điều hành sản xuất. Chưa có kế hoạch SXKD cụ thể cho từng tháng, từng quý nên không có số liệu thống kê việc thực việc kế hoạch cho từng tháng.

Về công tác phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu do, đội ngũ cán bộ có năng lực, kinh nghiệm không nhiều. Vẫn còn một số cán bộ chưa thực sự năng động trong công tác chuyên môn, điều hành sản xuất, chỉ đạo thi công. Lực lượng công nhân lành nghề còn thiếu. Năng suất lao động bình quân của người lao động trong toàn công ty còn thấp. Ý thức chấp hành kỷ luật lao động chưa cao. Mặc dù đã có các bộ máy tổ chức là các Ban chỉ đạo tại các công trình nhưng hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Một số cán bộ được giao nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo thi công vẫn còn lúng túng, bị động chưa thực sự nhiệt tình công việc dẫn đến tiến độ thi công có lúc vẫn chậm chưa đáp ứng yêu cầu.

Công tác tuyển dụng lao động bổ sung cho các tổ xây lắp chưa kịp thời, lực lượng lao động thiếu hụt nhiều, việc tuyển dụng còn bị động chưa có kế hoạch cụ thể.

Công tác thu hồi công nợ mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do nhiều nguyên nhân đến nay công nợ với các Công ty đối tác, công nợ với các công trình kéo dài thi công, công nợ với các phường xã là các khoản nợ tồn đọng đã lâu nhưng vẫn chưa đưa ra các biện pháp cụ thể để thu hồi.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

- Khối lượng chuyển tiếp từ năm 2018 như: Đz 500kV Quảng Trạch-Dốc Sỏi, Đz 500kV Nghi Sơn, Đz 110kV Nghi Xuân... với doanh thu dự kiến khoảng 20 tỷ;

- Trên cơ sở các công trình thi công đảm bảo chất lượng tiến độ trong năm qua tạo nên mối quan hệ và uy tín tốt với các Chủ đầu tư và Tổng công ty tạo tiền đề cho việc tham gia đấu thầu và ký kết các hợp đồng mới.

- Khối lượng các công trình Tổng công ty trúng thầu và ký hợp đồng với các Chủ đầu tư triển khai thi công trong năm 2019 là rất lớn (dự kiến doanh thu Tổng công ty trên 1.000 tỷ đồng) nên phần khối lượng đơn vị dự kiến ký hợp đồng với Tổng công ty rất khả quan.

2. Khó khăn

- Lực lượng thi công còn thiếu, và yếu cần bổ sung, đào tạo.

- Lực lượng cán bộ kỹ thuật còn mỏng chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Năng lực của Công ty không đáp ứng được các tiêu chí về nhân sự, thành tích kinh nghiệm cũng như doanh thu xây lắp... nên không thể tham gia đấu thầu với tư cách là nhà thầu độc lập đối với các gói thầu xây lắp đường dây và TBA có cấp điện áp từ 110kV trở lên.

- Công tác đền bù GPMB ngày càng khó khăn và phát sinh nhiều chi phí không lường trước được. Vật tư A cấp chậm, không đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ các công trình;

- Định mức đơn giá của Nhà nước vẫn ở mức thấp chưa có dấu hiệu điều chỉnh tăng. Giá vật liệu, nhân công có xu hướng tăng làm ảnh hưởng lớn hiệu quả SXKD của Công ty.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2019

Đơn vị tính: triệu đồng (Tr.đ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ KH 2019/TH 2018
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	30.000	30.411	30.000	98,65%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.250	215	2.250	1.046,00%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	10%		10%	
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	21.588	21.588	21.588	100,00%

III. Các giải pháp thực hiện

1. Về công tác điều hành: Quyết liệt chỉ đạo thi công các công trình đã có danh mục theo đúng tiến độ kế hoạch. *Cụ thể:*

- Sắp xếp hợp lý tổ chức sản xuất, bố trí hợp lý cán bộ trong từng phòng ban đơn vị, trên từng công trình nhằm đảm bảo bộ máy vận hành đồng bộ.

- Tập trung, rà soát, chỉ đạo các công trình đến các đơn vị thi công theo kế hoạch tháng và tổng kết mỗi kỳ.

- Tăng cường năng lực công tác đền bù giải phóng mặt bằng, phối hợp tốt giữa Ban chỉ đạo và các đơn vị thi công để đảm bảo tiến độ và hiệu quả từng công trình;

- Tăng cường đầu tư nhân lực, máy móc, hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty trong tổ hợp VNECO và các đối tác bên ngoài. Từng bước hoàn thiện và xây dựng năng lực để có thể tham gia đấu thầu độc lập các gói thầu xây lắp có quy mô vừa và nhỏ.

- Cần duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng truyền thống (Ban A phát triển, Ban A lưới, Tổng công ty), phát triển mối quan hệ với khách hàng mới. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác nhằm tạo kinh nghiệm và năng lực.

- Cảnh báo sớm các công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời;

- Tập trung điều hành một số công trình trọng điểm 2019: ĐZ 500kV đấu nối NĐ Nghi Sơn 2; ĐZ 500kV Quảng Trạch – Dốc Sỏi; ĐZ 110kV Nghi Xuân.

2. Công tác Tài chính - Kế toán: Một số giải pháp nhằm ổn định tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả SXKD cho năm 2019 và các năm tiếp theo, bao gồm:

- Thường xuyên cập nhật các chế độ chính sách của Nhà nước về công tác tài chính – kế toán. Thực hiện nghiêm túc quy chế nội bộ công ty về tài chính – kế toán.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát các hóa đơn chứng từ đảm bảo tính pháp lý cao.
- Thực hiện quyết liệt và nhanh chóng việc thu hồi vốn công trình từ các chủ đầu tư, kể cả các khoản phải thu năm 2018 chuyển qua và phải thu phát sinh năm 2019;
- Hạn chế việc liên danh, liên kết với các công ty có nguồn tài chính không đảm bảo để giảm thiểu rủi ro.
- Tăng cường giải quyết các vấn đề tồn tại của các công trình với Chủ đầu tư để sớm thanh quyết toán, thu hồi vốn kịp thời.
- Đối với công nợ phường xã tiếp tục công tác đòi nợ, đồng thời đưa ra cơ chế phù hợp hơn để thu hồi công nợ.
- Tìm kiếm, hợp tác với ngân hàng, tổ chức tài chính nhằm tạo lập đầy đủ các nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, đầu tư hiệu quả.
- Thực hiện quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát chiết giảm các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm tăng thêm hiệu quả cho Công ty;

3. Về công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình

- Tiếp tục nâng cao trình độ thi công lắp đặt trạm biến áp và tìm hiểu thêm về lĩnh vực xây lắp điện gió, điện mặt trời để đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thi công; Cập nhật biện pháp thi công, những quy định mới, hoàn chỉnh các quy trình quản lý chất lượng, kỹ thuật, an toàn lao động về xây lắp; Tổ chức công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình quản lý chất lượng, tăng cường công tác nghiệm thu nội bộ; Phối hợp giám sát chủ đầu tư để cùng kiểm tra kiểm soát chất lượng công trình ngay từ khâu vật liệu đầu vào đến khi kết thúc;
- Tăng cường kiểm tra công tác an toàn, bảo hộ lao động. Đặc biệt trong hạng mục lắp dựng cột, rải căng dây;
- Tăng cường công tác quản lý vật tư trên các công trình tránh thất thoát
- Cần duy trì và xây dựng lực lượng trèo cao do khối lượng năm 2019 chủ yếu là dựng cột, kéo dây.
- Tăng cường công tác an toàn nhất là thi công giao chéo với các đường dây mang điện nhằm đảm bảo tiến độ thi công an toàn nhất và tiết kiệm kinh phí;
- Sử dụng công nghệ để kiểm soát chặt chẽ về tiến độ thi công, chất lượng công trình bằng hình ảnh.

4. Về công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Tiếp tục duy trì các quy chế quản lý nội bộ như quy chế giao khoán, quy chế tiền lương, quy chế quản lý các phòng ban đơn vị... đã ban hành đưa vào áp dụng trong năm 2018.
- Phát triển nguồn nhân lực, từng bước nâng cao chế độ đãi ngộ, tạo ra môi trường làm việc tốt cho người lao động, tăng cường tuyển dụng kết hợp với đào tạo tại chỗ. củng cố xây dựng bộ máy quản lý, tăng cường việc thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của công ty trong mọi hoạt động.
- Có kế hoạch tuyển dụng thêm lực lượng lao động, công nhân, kỹ thuật lao động trực tiếp sản xuất nhằm đảm bảo có ít nhất 3 tổ xây lắp mỗi tổ trung bình 10-12 công nhân. Biên chế tổ phải có đủ lực lượng công nhân kỹ thuật nòng cốt. Tuyển dụng thêm 1-2 kỹ sư xây dựng hoặc kỹ

sự điện có chứng chỉ phù hợp để xây dựng năng lực đủ điều kiện tham gia đấu thầu các gói thầu công trình ĐZ và TBA 110kV.

- Áp dụng hiệu quả quy chế tiền lương, thường xuyên xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Vận dụng các chính sách thưởng phù hợp để khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, làm việc trách nhiệm, hiệu quả, gắn bó lâu dài với Công ty.

- Áp dụng biện pháp quản lý khoán gọn từng hạng mục công trình cho từng tổ đội sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí đẩy nhanh tiến độ, đồng thời nâng cao và tăng cường công tác quản lý, đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả, tạo sự chủ động cho các đơn vị sản xuất, gắn trách nhiệm của tập thể và cá nhân với hiệu quả công việc.

5. Công tác đầu tư dự án dự án cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm, nhà kho, nhà xưởng, trung tâm bảo hành các thiết bị máy móc tại khu đất nhà máy gạch Block cũ

Trọng tâm của năm 2019 đối với dự án là thực hiện ký hợp đồng tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình và xin cấp phép xây dựng. Triển khai thực hiện hoàn thành giai đoạn 1 của dự án.

Tổng mức đầu tư: 22 tỷ đồng được chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: 8,67 tỷ đồng

Giai đoạn 2 : 13,33 tỷ đồng

Thực hiện đầu tư giai đoạn 1 với các thông số chủ yếu như sau

Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 : 8,67 tỷ đồng

Tổng chi phí hàng năm : 1,19 tỷ đồng/năm

Doanh thu dự kiến : 1,75 tỷ đồng/năm

Lợi nhuận dự kiến giai đoạn 1: 0,56 tỷ đồng/năm

Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu : 31,86%

Thời gian thực hiện dự án : Thời gian thực hiện giai đoạn 1 là 6 tháng: kể từ Q2/2019-Q4/2019

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2018 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý cổ đông

Kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông mạnh khỏe và thành công

Xin chân thành cảm ơn.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đâu Thảo

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU THEO TỪNG CÔNG TRÌNH NĂM 2018

TT	Nội dung	ĐVT	Doanh thu	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng khác	đồng	936.000.000	
2	Doanh thu bán gạch BLOCK	đồng	12.851.854	
3	ĐZ 220kV Vĩnh Tường	đồng	197.392.079	
4	ĐZ 220KV Thái Bình-Tiên Hải - Trục Ninh	đồng	402.237.999	
5	ĐZ 500/220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2	đồng	86.322.606	
6	ĐZ 500kv Vĩnh Tân-Tân Uyên	đồng	1.495.272.960	
7	ĐZ 110kV Hà Đông-Sơn Tây	đồng	3.382.839.017	
8	Công trình ĐZ&TBA 220kV Phù Mỹ	đồng	292.805.349	
9	ĐZ 220kV Nho Quan - Thanh Hoá	đồng	69.600.000	
10	TBA 500kV Cầu Bông	đồng	1.557.522.584	
11	ĐZ 110kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan	đồng	1.333.529.787	
12	ĐZ 220kV Thái Bình	đồng	-40.142.684	Quyết toán phê duyệt giảm
13	ĐZ 110kV Nha Trang- Ninh Hoà	đồng	296.583.236	
14	ĐZ 110kV Qlưu- DChâu-CLò-HĐông	đồng	815.861.080	
15	ĐZ-TBA 110kV Nghi Xuân-Hà Tĩnh	đồng	11.856.708.226	
16	Nhượng bán VT ĐZ110kV Nghi Xuân	đồng	6.975.445.313	
17	ĐZ 500kV Đầu nối NMD Nghi Sơn 2 (lô 6.3)	đồng	311.091.360	
18	ĐZ 110 kV Cẩm Phả	đồng	429.260.801	
	Tổng cộng		30.411.181.567	

KẾ HOẠCH DOANH THU NĂM 2019

TT	Tên công trình	ĐVT	DT theo HĐ đã ký	DT đã thực hiện 2018	KH năm 2019	Ghi chú
1	ĐZ 500kV NĐ Nghi Sơn 2		2.090,00	311,00	4.556,00	
	Phần móng thực hiện theo PO đã ký	Tr.đồng	2.090,00	311,00	1.779,00	VT43 - VT 45
	Phần lắp dựng cột	Tr.đồng			1.177,00	VT29; VT42-VT45
	Phần rải căng dây	Tr.đồng			1.600,00	VT38 - VT47
2	ĐZ 110kV Nghi Xuân		20.889,00	16.962,00	3.927,00	
	Phần xây lắp hợp đồng với Chủ đầu tư	Tr.đồng	12.022,00	10.867,00	1.155,00	Móng, cột VT26, Rải căng dây 1-9
	Phần xây lắp hợp đồng với Yên Lạc	Tr.đồng	1.500,00	989,00	511,00	Cột VT 27; 34, Rải căng dây 9-22
	Phần MB vật tư hợp đồng với Yên Lạc	Tr.đồng	7.367,00	5.106,00	2.261,00	Phần dây sứ phụ kiện
3	ĐZ 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi lô 9.5		11.908,00	0,00	9.898,30	
	Kho bãi gia công cốt thép móng	Tr.đồng	1.257,00		1.257,00	Tính 100% giá trị giai đoạn 1(phần móng)
	Kho bãi phần cột, dây sứ phụ kiện	Tr.đồng	595,00		476,00	Tính 80% giá trị giai đoạn 2 (Phần cột, dây)
	Phần móng thực hiện theo PO đã ký	Tr.đồng	3.609,00		3.609,00	VT 36.1 - VT36.8
	Phần lắp dựng cột thực hiện theo PO đã ký	Tr.đồng	3.746,00		3.746,00	VT35.9 - VT35.15 & VT 36.1 - VT36.8
	Phần rải căng dây thực hiện theo PO đã ký	Tr.đồng	2.701,00		810,30	Tính 30% giá trị
4	Cho thuê kho bãi	Tr.đồng			1.200,00	
	Cho thuê kho bãi	Tr.đồng	900,00		900,00	Theo các hợp đồng đã ký Phú Quang, Kính mắt
	Cho thuê cửa hàng kinh doanh	Tr.đồng			300,00	Giai đoạn 1 dự án : Cửa hàng kinh doanh
5	Dự kiến đấu thầu và ký kết hợp đồng với bên ngoài				14.000,00	
	Ký hợp đồng với Tổng công ty	Tr.đồng			7.000,00	Các công trình tổng công ty ký hợp đồng năm 2019
	Đấu thầu hoặc làm B phụ 1 công trình ĐZ110kV	Tr.đồng			7.000,00	
	Cộng				33.581,30	
	Giá trị doanh thu dự kiến năm 2019				30.000,00	Tính 90%



Vinh, ngày 04 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019**

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Quý cổ đông

Năm 2018 dưới sự lãnh đạo của HĐQT và sự điều hành của BDH Công ty CPXD Điện VNECO2 đã hoạt động đảm bảo đúng định hướng của ĐHĐCĐ năm 2018 đặt ra. HĐQT đã lãnh đạo công ty hoạt động một cách minh bạch, đúng pháp luật và điều lệ công ty.

Thay mặt HĐQT, tôi xin báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của HĐQT như sau:

I. Đánh giá hoạt động công ty trong năm 2018.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Về kết quả HĐSXKD năm 2018 đã được đề cập chi tiết như trong báo cáo của ban điều hành, ở báo cáo này HĐQT xin đánh giá một số các chỉ tiêu chính trong năm 2018.

- Chỉ tiêu doanh thu: đạt 101,4% so với kế hoạch
- Chỉ tiêu lợi nhuận: đạt 9,6% so với kế hoạch
- Chỉ tiêu chi cổ tức: không chia
- Hoàn thành xong phương án đầu tư theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2018: Lập phương án chi tiết trình ĐHĐCĐ năm 2019 dự án Cửa hàng kinh doanh, nhà kho nhà xưởng tại khu đất nhà máy gạch cũ

II. Hoạt động của HĐQT năm 2018:

Trong năm 2018 HĐQT duy trì hoạt động theo điều lệ của công ty với số lượng 05 (năm) thành viên. Hoạt động của HĐQT luôn bám sát nghị quyết của ĐHĐCĐ để chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời các hoạt động SXKD của công ty.

1. Các cuộc họp của HĐQT và các vấn đề thông qua:

Năm 2018, Hội đồng quản trị công ty có 6 cuộc họp để đánh giá hoạt động của Công ty và đề ra các biện pháp để thực hiện nhiệm vụ của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 phù hợp với các quy định của điều lệ công ty.

Nội dung cơ bản của các cuộc họp HĐQT:

- Cuộc họp thứ nhất vào ngày 17/03/2018:

Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017.

Kiểm điểm các mặt hoạt động trong năm 2017.

Thông qua kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2018.

- Cuộc họp thứ 2 ngày 27/04/2018:



HĐQT thống nhất bầu ông Nguyễn Đậu Thảo giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty CPXD Điện VNECO2 nhiệm kỳ 2018-2023

Ông Mạnh Xuân Kỳ giữ chức vụ giám đốc công ty CPXD Điện VNECO2 kể từ ngày 1/05/2018.

Ông Hoàng Đình Khánh làm thư ký HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

- Cuộc họp thứ 3 ngày 02/05/2018:

Triển khai công việc tiếp theo dự án đầu tư khu đất nhà máy gạch sau khi hoàn thành thủ tục chuyển mục đích sử dụng.

Chỉ đạo công tác bàn giao giữa 2 giám đốc để quá trình hoạt động sản xuất không bị gián đoạn

Giao cho ban giám đốc lập quy chế hoạt động điều hành trình HĐQT.

- Cuộc họp thứ 4 ngày 06/07/2018:

Sơ kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và triển khai công tác sản xuất quý 3/2018.

Chỉ đạo ban điều hành tập trung công tác thi công các công trình, tiến hành thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành nhằm thực hiện được kế hoạch về doanh thu đã đặt ra trong năm 2018.

Chỉ đạo về việc lập báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đúng quy định và kịp thời.

Thống nhất phương án đầu tư, phương án nguồn vốn đầu tư khu đất và tiến hành công tác thiết kế xây dựng.

- Cuộc họp thứ 5 ngày 17/08/2018:

Khẩn trương triển khai các bước tiếp theo về đầu tư dự án.

Chốt ngày chi trả cổ tức năm 2017.

- Cuộc họp thứ 6 ngày 31/10/2018:

Tổng kết và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch chi tiết sản xuất quý 4/2018.

Đánh giá xem xét tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

Lập kế hoạch chuẩn bị nguồn vốn cho công tác đầu tư.

2. Các mặt hoạt động khác:

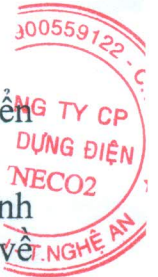
Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo bộ máy điều hành Công ty thực hiện các mặt hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2018

Chỉ đạo Công ty hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Lập các phương án về kế hoạch sản xuất - kinh doanh, kế hoạch đầu tư để báo cáo trước cổ đông.

3. Công tác phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban kiểm soát:

Các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều có sự tham gia của trưởng Ban kiểm soát hoặc toàn bộ Ban kiểm soát để giám sát công tác chỉ đạo điều hành và kiểm soát Công ty theo quy định.



4. Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tổng số tiền theo Nghị quyết trong năm 2018 là: 204.000.000 đồng.

Tổng số tiền thực tế đã chi trong năm 2018 là: 204.000.000 đồng.

III. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

1. Sản xuất kinh doanh :

Dự đoán năm 2019 tình hình kinh tế xã hội chung cả nước vẫn còn nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp. Ngoài ra, sự cạnh tranh trong công tác tìm kiếm việc làm, đấu thầu ngày càng quyết liệt hơn làm ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tìm kiếm việc làm của Công ty.

Từ nhận định trên, Hội đồng quản trị đưa ra định hướng chung với các mục tiêu như sau:

Lấy việc duy trì, ổn định SXKD ngành xây lắp điện, phát triển thêm một ngành nghề khác, đảm bảo mức cổ tức hợp lý, đảm bảo đời sống cho người lao động là mục tiêu xuyên suốt trong năm, với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Doanh thu	Đồng	30.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.250.000.000
3	Dự kiến trả cổ tức	%	10

2. Công tác đầu tư :

Thực hiện công tác đầu tư dự án Cửa hàng kinh doanh, nhà kho, nhà xưởng tại khu đất nhà máy gạch cũ với tổng đầu tư 22 tỷ. Trước tiên thực hiện giai đoạn 1 theo phương án sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tìm phương án để khai thác lô đất tại thị xã Cửa Lò theo nghị quyết tại ĐHĐCĐ năm 2017

3. Công tác quản lý và kiểm tra giám sát của Hội đồng quản trị:

Tăng cường công tác quản lý, giám sát chỉ đạo các hoạt động của bộ máy điều hành đảm bảo thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ năm 2019 thông qua.

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp cho phù hợp với thực tiễn nhằm đảm bảo cho việc quản lý, điều hành chặt chẽ và đồng bộ trong mọi mặt hoạt động SXKD của công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động trong năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 của Hội đồng quản trị. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

XÂY DỰNG ĐIỆN
VNECO2

TP. VINH - T. NGHỆ AN

NGUYỄN ĐẬU THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG

ĐIỆN VNECO2

Số : 46 /BC/BKS

Vv: Báo cáo hoạt động 2018 và kế hoạch
2019 của BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vinh, ngày 04 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019

Kính thưa các quý vị cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2.

Căn Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2.

Căn cứ Quy chế hoạt động và chương trình làm việc năm 2018 của BKS,

Trên cơ sở thực tiễn hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động của bộ máy công ty. Thay mặt các thành viên Ban kiểm soát. Tôi xin được báo cáo các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018 cho các quý vị cổ đông một số nội dung chính sau:

1- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ của công ty

Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ 6 cuộc họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT.

Tiếp nhận và trả lời đơn thư của cổ đông

Kiểm soát quá trình hoạt động của Hội đồng quản trị và sản xuất kinh doanh của công ty trong suốt nhiệm kỳ và hàng năm, đánh giá báo cáo tài chính đã được kiểm toán và kiến nghị với HĐQT công ty một số giải pháp cần thiết.

2- Các hoạt động cụ thể:

a, Kiểm soát về hoạt động của HĐQT, Giám đốc và Ban điều hành công ty:

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại điều lệ của công ty, kịp thời nắm bắt thông tin, diễn biến tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để điều hành chiến lược hoạt động SXKD của công ty trong từng giai đoạn nhằm đạt kết quả cao nhất.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc triển khai thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Có những phương án chỉ đạo cụ thể, khẩn trương và toàn diện đề ra định hướng chiến lược phát triển, đưa công ty hoạt động ngày càng hiệu quả

Ban Giám đốc công ty đã thể hiện vai trò trách nhiệm cao trong công tác điều hành hoạt động SXKD. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ quản lý nghiệp vụ chuyên môn đối với phòng ban và đơn vị sản xuất trong công ty.



Năm 2018, Hội đồng quản trị đã có 06 cuộc họp phù hợp với điều lệ công ty, ngoài ra, HĐQT còn có các cuộc hội ý trong những thời điểm cần thiết đảm bảo cho công tác quản trị công ty theo sát tình hình SXKD. Trong các cuộc họp HĐQT đã bám sát vào nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, những vấn đề đặt ra trong từng thời điểm cụ thể để chủ đạo công tác sản xuất kinh doanh và những vấn đề cần thiết khác nhằm đảm bảo hoạt động của công ty đúng định hướng và hiệu quả.

Trong các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã dành thời gian để thảo luận các nội dung thực hiện tốt các phương án đã đề ra đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

b, Công tác báo cáo của doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch:

Với sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty, định kỳ công ty đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ các báo cáo với UBCK Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

c, Công tác phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT nhằm theo dõi nắm bắt các phương án chỉ đạo điều hành và kiểm soát các hoạt động của công ty theo quy định.

d, Kiểm soát hoạt động SXKD của công ty:

Năm 2018 tiếp tục là một năm có nhiều biến động về kinh tế xã hội, đã tác động đến tình hình SXKD của công ty, sự cạnh tranh trong tìm kiếm việc làm, đầu thầu ngày càng quyết liệt khó khăn hơn, nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch và hiệu quả SXKD của công ty.

Kết quả SXKD năm 2018 của công ty không hoàn thành kế hoạch về các chỉ tiêu cổ tức và lợi nhuận đã đề ra.

- Các chỉ tiêu tiền vốn, công nợ và kết quả kinh doanh 2018

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)
I	Tình hình tài chính:	
1	- Tài sản ngắn hạn	25.200.637.258
2	- Tài sản dài hạn	7.281.235.288
3	- Nợ phải trả	10.457.312.481
4	- Vốn chủ sở hữu	22.024.560.065
II	Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.411.181.567
2	Giá vốn hàng bán	25.685.538.637
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.725.642.930
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	166.649.483
5	Lợi nhuận khác	48.553.195
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	215.202.678
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	
8	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	215.202.678

+ Về công tác tài chính:

Hoạt động tài chính của Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, quy chế quản lý tài chính của công ty. Sổ sách kế toán được cập nhật đầy đủ rõ ràng và minh bạch.

Qua kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty năm 2018. Ban kiểm soát đã kết luận đảm bảo độ chính xác và đúng với tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm kiểm toán.

e- Tiếp nhận, trả lời đơn thư của cổ đông:

Trong năm 2018 không có đơn thư, khiếu nại hay thắc mắc nào của các cổ đông gửi đến Ban kiểm soát.

3- Các kiến nghị của Ban kiểm soát cho hoạt động của công ty năm 2018:

Năm 2019 dự đoán là một năm còn nhiều khó khăn . Sự cạnh tranh trong công tác tìm kiếm việc làm, đấu thầu ngày càng quyết liệt làm ảnh hưởng tới công tác tìm kiếm việc làm của công ty.

Do đó đề nghị HĐQT công ty bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nắm bắt tình hình diễn biến của nền kinh tế để xây dựng phương hướng, mục tiêu cho năm 2019. Cụ thể

+Đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm nhà kho, nhà xưởng, trung tâm bảo hành các thiết bị máy móc tại số 13 Mai Hắc Đế phường Quán Bàu thành phố Vinh –Nghệ An

+ Tích cực tham gia đấu thầu các công trình của ngành điện

+Tăng cường phát huy vai trò của HĐQT trong công tác chỉ đạo, đề ra các biện pháp giúp Ban giám đốc điều hành SXKD có hiệu quả.

Kính thưa Quý vị cổ đông

Trên đây là toàn bộ nội dung công tác kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động quản lý, điều hành quá trình hoạt động SXKD của hội đồng quản trị Công ty trong năm 2018. Ban kiểm soát chúng tôi đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động SXKD của công ty cho năm 2019. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và tham gia ý kiến của các cổ đông đối với hoạt động của Ban kiểm soát.

Trân trọng cảm ơn !



Nguyễn Huy Hoài

Vv: Báo cáo kết quả SXKD2018 và kế
hoạch tài chính 2019

Vinh, ngày 04 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2018
VÀ KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và tình hình tài chính của công ty CPXD Điện VNECO2 tại thời điểm 31/12/2018 đã được công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam ban hành ngày 06/03/2019.

Hội đồng quản trị Công ty CPXD Điện VNECO2 báo cáo đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu tài chính, kết quả HĐSXKD của công ty năm 2018 và trình đại hội kế hoạch các chỉ tiêu tài chính tổng hợp 2019 như sau:

I. Các chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD năm 2018.

1. Các chỉ tiêu tài chính:

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.200.637.258	24.128.323.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.413.232.361	691.452.300
1. Tiền	111	4.1	2.413.232.361	691.452.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	3.854.610.870	3.266.381.219
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.321.110.230	4.386.153.330
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.466.499.360)	(1.119.772.111)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.140.063.082	17.517.467.265
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	8.704.746.005	13.651.327.930
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	233.433.462	230.833.462
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.103.057.079	4.506.479.337
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(901.173.464)	(916.897.194)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	45.723.730
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	5.645.167.824	2.517.059.087
1. Hàng tồn kho	141		5.645.167.824	2.517.059.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		147.563.121	135.963.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	59.532.560	47.933.381
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	88.030.561	88.030.561
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.281.235.288	7.424.960.358
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.890.179.226	7.283.845.566
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	3.938.179.226	4.331.845.566
Nguyên giá	222		8.327.050.041	8.181.050.041
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.388.870.815)	(3.849.204.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.952.000.000	2.952.000.000
Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.824.134	111.114.792
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	193.824.134	111.114.792
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	30.000.000	30.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000	30.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		167.231.928	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	167.231.928	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.481.872.546	31.553.284.171



NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.457.312.481	8.694.886.784
I. Nợ ngắn hạn	310		10.307.312.481	8.694.886.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	3.571.026.078	3.596.433.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	4.140.504.906	400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	276.580.955	166.744.031
4. Phải trả người lao động	314		603.768.329	690.290.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	759.899.522	1.034.017.685
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	660.000.000	436.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	224.303.485	367.239.894
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	2.322.531.810
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		71.229.206	81.229.206
II. Nợ dài hạn	330		150.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	150.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.024.560.065	22.858.397.387
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	22.024.560.065	22.858.397.387
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.588.800.000	21.588.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		684.906.291	684.906.291
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		226.211.724	1.060.049.046
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		11.009.046	509.353.247
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		215.202.678	550.695.799
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.481.872.546	31.553.284.171

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	30,411,181,567	13,567,193,549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30,411,181,567	13,567,193,549
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	25,685,538,637	11,692,389,973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,725,642,930	1,874,803,576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	414,312,050	1,062,426,334
7. Chi phí tài chính	22	5.4	2,466,945,060	596,107,966
Trong đó, chi phí lãi vay	23		120,217,811	420,244,312
8. Chi phí bán hàng	25		-	4,309,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2,506,360,437	2,184,056,255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166,649,483	152,756,689
11. Thu nhập khác	31	5.6	126,924,359	749,423,696
12. Chi phí khác	32	5.7	78,371,164	308,867,374
13. Lợi nhuận khác	40		48,553,195	440,556,322
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		215,202,678	593,313,011
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	42,617,212
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		215,202,678	550,695,799
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	103	262
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	103	262

3. Lưu chuyển tiền tệ

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		38.671.805.959	22.951.749.031
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(26.249.750.204)	(13.082.379.226)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.960.221.932)	(1.738.498.400)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(120.217.811)	(417.822.960)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(460.752.325)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.684.512.838	2.718.880.250
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.483.895.177)	(4.327.478.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.542.233.673	5.643.697.934
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và				
1. các tài sản dài hạn khác	21		(167.736.000)	(1.334.031.909)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và				
2. các tài sản dài hạn khác	22		-	164.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(2.934.956.900)	-
của các đơn vị khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ				
4. của đơn vị khác	24		-	1.480.444.800
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		653.812.050	264.013.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.448.880.850)	574.972.060
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	14.827.018.622	13.831.400.490
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(17.149.551.384)	(16.184.112.320)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.049.040.000)	(3.566.736.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.371.572.762)	(5.919.447.830)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		3.721.780.061	299.222.164
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		691.452.300	392.230.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		4.413.232.361	691.452.300

3. Các hệ số tài chính năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
1	Hệ số nợ			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32.19%	
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	47.48%	
2	Hệ số khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán tổng quá	lần	3.11	Tổng TS/Tổng Nợ
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1.90	(TS ngắn hạn-HTK)/Nợ ngắn hạn
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2.44	TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn
3	Hệ Số khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	0.66%	
	Hệ số LNST/doanh thu	%	0.71%	
	Hệ số LNST/vốn CSH	%	0.98%	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	103	Lãi ST/CP lưu hành

II. Kế hoạch các chỉ tiêu tài chính tổng hợp năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thành tiền	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Đồng	30,000,000,000	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	2,250,000,000	
3	Dự kiến cổ tức	%	10	

Trên đây là báo cáo các chỉ tiêu tài chính, kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch các chỉ tiêu tài chính tổng hợp năm 2019 của công ty cổ phần xây dựng Điện VNECO2.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

VNECO2

NGUYỄN ĐẬU THẢO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Số: 47 TT/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vinh, ngày 04 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v: Phê duyệt đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm, nhà kho, nhà xưởng, trung tâm bảo hành các thiết bị máy móc tại khu đất nhà máy gạch cũ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO2

Thực hiện nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 nhằm khai thác có hiệu quả lô đất thuộc quyền sử dụng của công ty bằng các hình thức. Nay HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt hình thức đầu tư để kinh doanh với các nội dung sau:

1. **Tên dự án:** Cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm, nhà kho, nhà xưởng, trung tâm bảo hành các thiết bị máy móc (sau đây gọi là: dự án Cửa hàng kinh doanh, nhà kho, nhà xưởng)
2. **Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:**
 - **Tổng mức đầu tư:** 22,00 tỷ được chia làm 2 giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1: 8,67 tỷ đồng
 - + Giai đoạn 2: 13,33 tỷ đồng
 - **Nguồn vốn:**
 - + **Vốn cho giai đoạn 1**
Vốn tự có: 4,33 tỷ đồng bao gồm:
 - Thoái vốn đầu tư cổ phiếu sông ba: 2,30 tỷ đồng (170.000x14)
 - Ngôn tài sản gạch tồn kho và khoản khác: 2.03 tỷ đồng
 - Vốn vay : 4,34 tỷ đồng
 - + **Vốn cho giai đoạn 2:**
Vốn vay và vốn khác
3. **Hiệu quả kinh tế và thời gian đầu tư**
 - **Giai đoạn 1:**
 - + **Hiệu quả kinh tế:**
Tổng doanh thu kỳ vọng đạt: 1,75 tỷ đồng/năm
Tổng chi phí bình quân : 1,19 tỷ đồng/năm
Lợi nhuận dự kiến: 0,55 tỷ đồng/năm
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu: 31,86 %
(chi tiết có bảng biểu kèm theo)
 - + **Thời gian thực hiện dự án**
Thời gian thực hiện là 6 tháng: kể từ giữa Q2/2019-Q4/2019
 - **Giai đoạn 2:**
Sua khi hoàn thành giai đoạn 1.



Với các mục tiêu và hiệu quả phân tích như trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông để dự án được triển khai, thực hiện đúng kế hoạch cụ thể như sau:

- Thông qua quyết định đầu tư dự án Cửa hàng kinh doanh, nhà kho, nhà xưởng theo phương án trên.
- Tổng mức đầu tư dự án: 22 tỷ và được chia làm 2 giai đoạn
- Vay các tổ chức tín dụng phần vốn vay cho từng giai đoạn
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định nguồn vốn vay, thời gian, mức vay, lãi suất vay và các nội dung khác liên quan đến các khoản vay của dự án.
- Giao cho HĐQT triển khai thực hiện dự án, khai thác dự án nhằm hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả dự án.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐẬU THẢO



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Số: 48/TT/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vinh, ngày 04 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

V/v: Thù lao của hội đồng quản trị và ban kiểm soát

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO2

Căn cứ vào điều lệ hoạt động của công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2.

Hội đồng quản trị Công ty CPXD Điện VNECO2 trình đại hội đồng cổ đông mức thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát trong năm 2019 như sau:

1. Thù lao, PC của Chủ tịch hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng
2. Thu lao, PC của thành viên hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/người/tháng
3. Thu lao, PC của trưởng ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng
4. Thù lao, PC của thành viên ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/người/tháng
5. Thu lao, PC của người phụ trách quản trị cty: 500.000 đồng/tháng
6. Thù lao, PC của người công bố thông tin: 500.000 đồng/tháng

Tổng mức thù lao, CP của HĐQT, ban kiểm soát: 17.000.000 đồng/tháng.

Ghi chú: có 4 thành viên HĐQT, 2 thành viên ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐẬU THẢO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**
Số: 49 TT/BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vinh, ngày 4 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
V/v: ỦY QUYỀN LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN NĂM 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO2

Căn cứ vào luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp.

Căn cứ vào điều lệ hoạt động của công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và chào giá cạnh tranh một trong các công ty kiểm toán độc lập sau đây để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, cụ thể sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - CN miền Trung
- Công ty TNHH PKF Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Huy Hoài